

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2018/HS-PT

Ngày 10 – 4 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 486/2017/TLPT-HS ngày 26/9/2017 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Hồ Thị T, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 04/4/2017; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Bá T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người đại diện hợp pháp của người bị hại không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị N và chồng là Nguyễn Văn M chung sống tại xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau và có 03 người con là: Nguyễn Như Y, Nguyễn Như Q và Nguyễn Chí Đ. Sau đó, bà N và ông M không còn sống chung với nhau. Năm 2013 bà N đi làm thuê tại quán của bà Hồ Thị T (là mẹ của Lê Văn T) tại Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh V. Trong thời gian phụ bán quán, bà N đã gặp Lê Văn T và nảy sinh tình cảm. Đến năm 2014, bà N cùng với T về sống chung với 03 người con của bà N tại ấp Kênh 5, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, sau đó chuyển đến sinh sống tại ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng tháng 9/2016, T và bà N cùng với hai con của bà N là cháu Q và cháu Đạt về Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long sống chung với bà Trăm. Đến tháng 12/2016, T thuê phòng trọ số 5 của ông Đặng Thành N để cùng sống chung với bà N và hai con của bà N, trong đó có cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 29/11/2004.

Khoảng 13 giờ ngày 02/4/2017, lợi dụng lúc bà N đi làm không có mặt tại phòng trọ, T nảy sinh ý định quan hệ tình dục với cháu Q. Do lúc này trong phòng trọ có T, cháu Đạt và cháu Q đang giặt đồ, nên T đã kêu cháu Đạt đi ra cảng sông gần đó xem nước đã cạn chưa để bắt cá. Khi Đạt đã đi khỏi phòng, T đến chỗ cháu Q nắm tay Quỳnh kéo đứng lên, đồng thời T kéo quần của Quỳnh xuống ngang đầu gối, đẩy Quỳnh tựa lưng vào tường và thực hiện hành vi giao cấu với Quỳnh đến khi thỏa mãn. Đến tối ngày 03/4/2017, Quỳnh đã kể lại hành vi của T cho bà N và bà N đã đến Công an xã A trình báo sự việc.

Tại Cơ quan công an, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, đồng thời T còn khai nhận trước đó T đã có 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Q tại phòng trọ cho đến khi thỏa mãn.

Trong quá trình điều tra, cháu Nguyễn Như Q còn khai trong thời gian T sống chung với bà N tại Cà Mau, T đã có hành vi giao cấu với cháu Q. Tuy nhiên, T không thừa nhận và qua điều tra chưa đủ căn cứ để xác định. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã có văn bản thông báo cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau biết để tiến hành điều tra, xử lý theo luật định.

Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 34/2017/TD ngày 17/4/2017 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long kết luận đối với Nguyễn Như Q như sau:

- Âm hộ: Bình thường.
- Màng trinh: Rách ở các vị trí 12 giờ, 3 giờ, 5 giờ và 7 giờ, vết rách cũ.

Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1602/C54B ngày 15/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận xác định tại thời điểm giám định (tháng 5/2017): Nguyễn Như Q có độ tuổi từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”;

Áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/4/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/8/2017, bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Như Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo T lên 20 năm tù với lý do: Hành vi của bị cáo T gây ra là rất nghiêm trọng, T thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Q nhiều lần và còn đe dọa nếu cháu nói ra thì sẽ bị giết, nên cháu không dám nói. Bị cáo T là người đã mất hết nhân tính, thực hiện hành vi đồi bại với người gọi T là cha. Từ khi sự việc xảy ra, T không hỏi thăm sức khỏe của cháu Q, không xin lỗi gia đình người bị hại, cho thấy bị cáo T không ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đã đưa ra ý kiến quan điểm: Tòa án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên bị cáo Lê Văn T có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt về tội hiếp dâm; trong vụ án này, bị cáo T đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại dưới 13 tuổi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo T mức án từ 18 năm đến 20 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo Lê Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo T hiện này là rất khó khăn. Hơn nữa, khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định mới có lợi về khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm của tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” là tội tương ứng theo khoản 2 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T là không đúng theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày

20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, áp dụng bổ sung đối với bị cáo Lê Văn T, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự như sau:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Bị cáo Lê Văn T đã có 04 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Như Q khi cháu Q còn chưa đủ 13 tuổi, tại phòng trọ số 5 của anh Đặng Thành Nhân thuộc Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh V, nơi bị cáo T cùng với bà Nguyễn Thị N và hai con của bà N là cháu Nguyễn Như Q và cháu Nguyễn Chí Đ chung sống. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại như sau:

[3.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T là đặc biệt nghiêm trọng gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội. Bị cáo đã xâm hại đến danh dự, phẩm giá, quyền bất khả xâm phạm về tình dục của trẻ em, xâm phạm đến sức khỏe, sự phát triển bình thường về sinh lý, thể chất của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Bị cáo T đã 04 lần thực hiện hành vi giao cấu với người chưa đủ 13 tuổi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có thiếu sót.

[3.2] Tuy nhiên xét thấy, mặc dù bị cáo Lê Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với người chưa đủ 13 tuổi, nhưng không thuộc trường hợp phạm tội đối với người dưới 10 tuổi. Song, khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không áp dụng quy định mới có lợi về khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm của tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” là tội tương ứng theo khoản 2 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015, với tình tiết tăng nặng định khung là “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo T là không đúng theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày

20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định có lợi của tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo khoản 2 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm đối với bị cáo T là không đúng theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, áp dụng bổ sung đối với bị cáo.

[3.3] Sau khi phạm tội, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận các lần phạm tội trước đó; bị cáo có người cậu ruột là liệt sỹ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[3.4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy, mức án 16 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo T là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất, chấp nhận quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

[4] Ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại, theo quy định pháp luật, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T của bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp của người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”;

Áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 04/4/2017.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 10 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại (1b);
- Lưu: VP(2b), HS(2b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh